

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HỒNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 14-6-2018  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.
2. Bà Lương Thị Anh Đào.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Phạm Thị X, sinh năm 1980, địa chỉ cư trú: Ấp T, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Nguyễn Văn B, sinh năm 1972, địa chỉ cư trú: Ấp T, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị X trình bày: Vào năm 2006, chị Phạm Thị X và anh Nguyễn Văn B có sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013 (hiện nay cháu T, T và Y đang sống chung với chị X). Trước khi sống chung với anh B, chị X có một con riêng tên là Phạm Thị Trúc L, sinh năm

2003, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con riêng tên Phạm Thị Trúc L. Thời gian đầu chị X và anh B chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên do anh B thường xuyên uống rượu từ đó thiếu trách nhiệm với gia đình và còn nhiều lần đánh đập chị X. Nên chị X đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với anh B, nhưng khi hòa giải anh B xin chị X tha thứ lỗi lầm. Do đó, chị X rút lại đơn khởi kiện về đoàn tụ gia đình. Nhưng sau đó anh B không khắc phục được lỗi lầm mà anh B cứ gây bạo hành đối với chị X. Nay chị X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết. Về hôn nhân, chị Phạm Thị X xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung, chị X và anh B có ba con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013. Chị X yêu cầu nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh Nguyễn Văn B thống nhất về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung theo lời trình bày của chị X. Về hôn nhân vào năm 2006 anh B và chị X có sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh B thừa nhận đã nhiều lần đánh chị X, nhưng nay anh B xin chị X cho cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, để vợ chồng hàn gắn về lo cho các con, do đó anh B không đồng ý ly hôn với chị X. Về con chung, có ba con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013, hiện nay các con đang sống chung với chị X, nếu Tòa án cho ly hôn, anh B thống nhất giao ba con chung cho chị X nuôi dưỡng và anh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với con riêng của chị X tên Phạm Thị Trúc L, sinh năm 2003, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đó là con riêng của chị X không phải con chung của anh B và chị X. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng dân sự:**

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 2006 đến nay, chị X và anh B chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị X và anh B không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị X và anh B là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị X và anh B có ba con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013, chị X yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến anh B thống nhất có ba con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013 và đồng ý giao con chung tên T, T và Y cho chị X nuôi dưỡng nếu Tòa án cho ly hôn và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T, T và Y hiện đang sống chung với chị X và cháu T có nguyện vọng sống chung với chị X. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013 cho chị X tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị X không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Văn B không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Phạm Thị X và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị X tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 11-01-2007; Phạm Chí T, sinh ngày 30-12-2013 và Phạm Ngọc Như Y, sinh ngày 30-12-2013. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị X không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Phạm Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2013 03896 ngày 25-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; chị Phạm Thị X đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14-6-2018). Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bé Hương**